

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2020/HS-ST

Ngày: 11 - 6 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Việt

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Khắc Hoan,

Bà Nguyễn Thị Tuyết Minh.

Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Anh Việt - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 6 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 12/2020/TLST-HS ngày 06 tháng 4 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 334/2020/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Hữu N, sinh ngày 27 tháng 11 năm 1993, tại xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Nơi cư trú: Thôn C, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa giáo; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn T và bà Nguyễn Thị T; chưa có vợ, con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ ngày 30 tháng 10 năm 2019, sau đó bị tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Đồng Hới. Có mặt.

- Người bị hại:

Ông Nguyễn Đình D, sinh 1964, công tác tại: Bệnh viện Đ thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Có mặt;

Ông Nguyễn Tất T, sinh 1966, công tác tại: Bệnh viện Đa khoa huyện B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Trịnh Xuân B, sinh 1958, cư trú tại: Tổ dân phố 3 phường B, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt;

Bà Nguyễn Thị T, sinh 1969 (mẹ bị cáo Nguyễn Hữu N), cư trú tại: Thôn Cao Cự, xã Quảng Hòa, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

Người làm chứng:

Ông Đinh Đăng H, sinh 1989 cư trú tại: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt;

Bà Hà Thị L, sinh 1989, cư trú tại: Khu phố 6, Phường 1, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt;

Bà Lê Thị H, sinh 1985, công tác tại: Bệnh viện Đa khoa huyện B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt;

Ông Lê Lượng B, sinh 1972, công tác tại: Bệnh viện Đa khoa huyện B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt;

Ông Lê Chiêu T, sinh 1976, công tác tại: Bệnh viện Đa khoa huyện B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

Tại phiên toà vắng mặt 01 bị hại, vắng mặt các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vắng mặt một số người làm chứng, bị cáo, bị hại có mặt, Kiểm sát viên đề nghị xét xử vụ án, Hội đồng xét xử sau khi thảo luận thấy phiên toà đã hoãn 1 lần vì vắng mặt các bị hại, tại phiên toà lần này chỉ có mặt 1 bị hại, những người vắng mặt đã có lời khai tại hồ sơ vụ án nên thống N vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại các Điều 293, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Hữu N, là Phóng viên hợp đồng của Thời báo Làng nghề Việt, có Trụ sở tại phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội. N được giao viết bài tuyên truyền về lĩnh vực Y tế tại tỉnh Quảng Bình, tháng 7/2019 N không được giao viết về lĩnh vực y tế nữa và ngày 10 tháng 10 năm 2019, N bị chấm dứt hợp đồng. Tuy nhiên, lợi dụng mối quan hệ trong quá trình thu thập thông tin viết bài, trong tháng 10/2019 N đã đến gặp Giám đốc các Bệnh viện đa khoa huyện B và thành phố Đ, dùng giấy khám sức khỏe do các Bệnh viện này cấp để uy hiếp Giám đốc Bệnh viện làm cấp giấy khám sức khỏe không đúng quy trình và N sẽ báo cáo Sở y tế, Sở thông tin truyền thông tỉnh Quảng Bình đồng thời sẽ đưa thông tin này lên báo chí để chiếm đoạt tiền của họ. Bằng thủ đoạn này, Nguyễn Hữu N đã thực hiện 02 vụ cưỡng đoạt tài sản, cụ thể:

Lần thứ N: Sáng ngày 03 tháng 10 năm 2019, Nguyễn Hữu N mang theo giấy khám sức khỏe do Bệnh viện Đa khoa huyện B cấp ngày 30 tháng 9 năm

2019 mang tên Hà Thị L, sinh năm 1991 trú tại thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị (theo N khai là nhặt được tại quán cà phê đường tránh Đồng Hới) đến gặp ông Nguyễn Tất T, Giám đốc Bệnh viện đa khoa huyện B. N nói giấy khám sức khỏe này do Bệnh viện cấp sai quy trình và yêu cầu ông T giải thích, ông T cho rằng Bệnh viện đã làm đúng nhưng N đòi kiểm tra hóa đơn, các chỉ số khám và đe dọa sẽ đưa thông tin này lên báo chí, nếu không thì phải đưa cho N 8.000.000 đồng. Sau khi kiểm tra, biết giấy khám sức khỏe cấp không đảm bảo thủ tục do chị Lê Thị H, hộ lý của Bệnh viện nhận người nhà nên ông T miễn cưỡng đưa cho N 8.000.000 đồng, N kiểm tra đúng số tiền yêu cầu rồi cất vào túi ra về. Sau khi sự việc xảy ra, ông T giao cho Phòng tổ chức hành chính, Tổng hợp làm văn bản tố cáo hành vi của N.

Về nguồn gốc giấy khám sức khỏe được xác định do chị Lê Thị H, hộ lý của Bệnh viện Đa khoa huyện B nhận làm giúp cho một người phụ nữ không rõ địa chỉ theo thông tin trên bản phô tô chứng minh nhân dân mà người đó để lại. Qua xác minh tại Bệnh viện Đa khoa huyện B có hóa đơn số 5960 ngày 03 tháng 10 năm 2019 thu của Hà Thị L số tiền 376.900 đồng. Thực tế, Hà Thị L đã bị mất chứng minh nhân dân vào đầu tháng 3/2019 và không làm giấy khám sức khỏe trên. Nguyễn Hữu N khai nhặt được tại quán cà phê đường tránh thành phố Đồng Hới vào sáng 03 tháng 10 năm 2019 là không phù hợp.

Lần thứ hai: Vào lúc 14 giờ 05 phút ngày 30 tháng 10 năm 2019, Nguyễn Hữu N đến Bệnh viện đa khoa thành phố Đ gặp ông Nguyễn Đình D, Giám đốc Bệnh viện. N đưa giấy khám sức khỏe số 23083 ngày 22 tháng 4 năm 2019 do Bệnh viện đa khoa thành phố Đ cấp cho Đình Đăng H trú tại xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình và 02 tờ giấy A4 phô tô bài viết trên mạng xã hội có nội dung: “Chấn chỉnh việc cấp văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận” rồi nói với ông D là giấy khám sức khỏe này cấp không đúng quy trình, N đã báo cáo lên Sở y tế tỉnh Quảng Bình và sẽ đưa thông tin này lên báo chí, truyền hình. Ông D hỏi mục đích của N là gì thì N nói đưa cho N 10.000.000 đồng, ông D đưa cho N 8.000.000 đồng, N mở phong bì đếm đủ tiền cất vào túi, rồi xé phong bì thì bị lực lượng Công an thành phố Đồng Hới bắt quả tang.

Nguồn gốc giấy khám sức khỏe được xác định do ông Trịnh Xuân B, sinh năm 1958 trú tại tổ dân phố 3, phường B, thành phố Đ dùng chứng minh nhân dân số 194401743 cấp ngày 19 tháng 5 năm 2006 mang tên Đình Đăng H (do ông B nhặt được) đưa đi scan ảnh rồi đến Bệnh viện Đa khoa thành phố Đồng Hới đăng ký làm giấy khám, sau đó ngày 30 tháng 10 năm 2019 ông B đưa giấy khám sức khỏe và bài viết phô tô trên 02 tờ A4 cho N và dặn N chấn chỉnh, nhắc nhở Bệnh viện trong việc cấp giấy khám sức khỏe không đúng quy định. Qua

xác minh tại Bệnh viện Đa khoa thành phố Đ có hóa đơn số 23083 ngày 22 tháng 4 năm 2019 thu của Đinh Đăng H số tiền 354.000 đồng.

Quá trình điều tra, đã trưng cầu Sở thông tin truyền thông giám định điện thoại của Nguyễn Hữu N, trích xuất các tin nhắn và 07 file ghi âm nội dung cuộc gọi giữa Nguyễn Hữu N với ông Nguyễn Đình D có liên quan đến hành vi phạm tội nêu trên.

Vật chứng của vụ án: Cơ quan điều tra đã thu giữ các vật chứng sau:

Chuyển theo hồ sơ vụ án gồm:

- 01 giấy khám sức khỏe số 23083 ngày 22 tháng 4 năm 2019 do Bệnh viện Đa khoa thành phố Đ cấp cho Đinh Đăng H trú tại xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình; 02 tờ giấy A4 phô tô bài viết có nội dung: “Chấn chỉnh việc cấp văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận”; 01 phong bì thư bị xé nhiều mảnh; 01 giấy giới thiệu số 97 ngày 04 tháng 3 năm 2019 của Thời báo Làng nghề Việt; 01 Hợp đồng lao động số 02/LNV-2019 ngày 14 tháng 01 năm 2019 của Thời báo Làng nghề Việt;

Đã xử lý các tài sản gồm:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE BKS 73K1-090.04, trả lại cho bà Nguyễn Thị T (mẹ của Nguyễn Hữu N);

- Số tiền 8.000.000 VNĐ thu giữ khi bắt quả tang, đã trả lại cho ông Nguyễn Đình D;

Vật chứng chưa xử lý gồm:

- 01 ĐTDĐ hiệu SAMSUNG thu của Nguyễn Hữu N;

- 01 chứng minh nhân dân số 194401743 cấp ngày 19 tháng 5 năm 2006 mang tên Đinh Đăng H (do ông Trịnh Xuân B nộp);

- 01 đĩa CD có 07 file ghi âm dữ liệu cuộc gọi trích xuất qua giám định;

Về trách nhiệm dân sự: Gia đình Nguyễn Hữu N đã tự nguyện nộp thay cho bị cáo số tiền 8.000.000 đồng; Cơ quan điều tra đã xử lý trả lại cho ông Nguyễn Tất T.

Cáo trạng số 225/VKS-P3 ngày 03 tháng 4 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình truy tố Nguyễn Hữu N về tội “Cưỡng đoạt tài sản”, quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Hữu N khai nhận diễn biến, nội dung vụ án và hành vi phạm tội 2 lần cưỡng đoạt tài sản mà bị cáo đã thực hiện đúng như Cáo trạng truy tố đối với bị cáo. Thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố đề Toà án xét xử đối với bị cáo về tội “Cưỡng đoạt tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo mức án nhẹ N.

Tại phiên toà, ông Nguyễn Đình D, bị hại trong vụ án thừa nhận đã nhận đủ số tiền bị chiếm đoạt, đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị hại Nguyễn Tất T vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên toà khẳng định Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo Nguyễn Hữu N về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội, đúng khung hình phạt, có căn cứ pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu N phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”, đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 170, điểm b khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu N mức án tù 18 đến 24 tháng tù.

Miễn phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Hữu N.

Gia đình bị cáo đã bồi thường đủ các thiệt hại theo yêu cầu cho người bị hại, hiện tại các bị hại không có yêu cầu gì nên không xem xét.

Đề nghị tịch thu bán sung công phương tiện phạm tội là điện thoại di động thu của bị cáo Nguyễn Hữu N; lưu giữ theo hồ sơ vụ án Chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Đăng Hưng vì hiện tại anh Hưng đã làm lại Chứng minh nhân dân mới.

Các vật chứng khác đề nghị lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Bình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo Nguyễn Hữu N, các người bị hại, các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Theo đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1]. Về tội danh “Cưỡng đoạt tài sản”, khung hình phạt theo truy tố của Viện kiểm sát đối với bị cáo Nguyễn Hữu N.

Theo diễn biến vụ án và lời khai thừa nhận hành vi phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản” của bị cáo Nguyễn Hữu N tại phiên toà phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang lập

lúc 14 giờ 17 phút ngày 30 tháng 10 năm 2019 tại Phòng làm việc của Giám đốc Bệnh viện Đa khoa thành phố Đ, phù hợp với lời khai của các người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, tang vật vụ án được thu giữ, Hội đồng xét xử thấy hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Hữu N với thủ đoạn lấy danh nghĩa là Phóng viên Thời báo Làng nghề Việt để uy hiếp buộc Giám đốc Bệnh viện Đa khoa huyện B và Giám đốc Bệnh viện Đa khoa thành phố Đ phải đưa số tiền 16.000.000 đồng (8.000.000 đồng/người) thì N sẽ không phản ánh, đưa lên mặt báo việc các Bệnh viện cấp giấy khám sức khỏe không đúng quy trình, có đủ yếu tố cấu thành của tội “Cưỡng đoạt tài sản” được quy định tại Điều 170 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (Bộ luật Hình sự năm 2015). Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố và Luận tội của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố xét xử sơ thẩm vụ án đề nghị xét xử bị cáo Nguyễn Hữu N về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng khung hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Hữu N.

[2]. Về trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Nguyễn Hữu N.

Theo 2 lần bị cáo Nguyễn Hữu N đã dùng thủ đoạn lấy danh nghĩa là Phóng viên Thời báo Làng nghề Việt để uy hiếp buộc Giám đốc Bệnh viện Đa khoa huyện B và Giám đốc Bệnh viện Đa khoa thành phố Đ phải đưa số tiền 16.000.000 đồng, bị truy tố và xét xử theo khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự năm 2015 có mức hình phạt tù từ 01 năm đến 05 năm. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm quyền bất khả xâm phạm về tài sản của các bị hại, gây tổn thất về vật chất và tinh thần đối với các bị hại và hoạt động bình thường của các Bệnh viện, làm ảnh hưởng uy tín, danh dự của những người làm báo, gây tâm lý hoang mang, bức xúc, phẫn nộ trong quần chúng nhân dân, làm mất ổn định trật tự, trị an trên địa bàn, nên cần phải được xử phạt mức án nghiêm minh có tác dụng trừng trị riêng và răn đe, phòng ngừa chung.

Các giấy tờ (bản pho to) điều trị bệnh của Nguyễn Hữu N trong khoảng thời gian năm 1996, 2006, 2008 do gia đình bị cáo giao nộp ngày 18 tháng 5 năm 2020, đơn trình bày của mẹ bị cáo không thuộc tình tiết giảm nhẹ để Hội đồng xét xử xem xét.

Xét bị cáo phạm tội có tình tiết tăng nặng của điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, trong quá trình điều tra bị cáo khai báo quanh co, tại phiên toà bị cáo chưa thực sự khai báo thành khẩn với hành vi phạm tội của mình nên không được hưởng tình tiết giảm nhẹ của điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Do bị cáo đã có ý kiến để gia đình bồi thường đủ thiệt hại cho bị hại, được ông Nguyễn Đình D, bị hại trong vụ án đề nghị giảm nhẹ

hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ của điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xét hoàn cảnh kinh tế hiện tại của bị cáo Nguyễn Hữu N, Hội đồng xét xử miễn phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Hữu N.

[3]. Về trách nhiệm trả lại tài sản đã chiếm đoạt cho các bị hại.

Thiệt hại của các bị hại đã trả lại và được gia đình bị cáo bồi thường đủ, trong quá trình điều tra, tại phiên tòa các bị hại không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bà Nguyễn Thị T, (mẹ bị cáo Nguyễn Hữu N) không có ý kiến gì về số tiền 8.000.000 đồng đã nộp bồi thường cho bị hại Nguyễn Tất T nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về xử lý vật chứng vụ án:

Các tài sản, vật chứng hiện còn tạm giữ gồm:

- 01 Điện thoại di động hiệu SAMSUNG thu của Nguyễn Hữu N, là phương tiện được bị cáo liên lạc hẹn gặp ông Nguyễn Đình D để uy hiếp cưỡng đoạt tài sản của ông D nên được tịch thu hoá giá bán sung công quỹ Nhà nước;

- 01 chứng minh nhân dân số 194401743 cấp ngày 19 tháng 5 năm 2006 mang tên Đinh Đăng H (do ông Trịnh Xuân B nộp) được lưu giữ theo hồ sơ vụ án;

- 01 đĩa CD có 07 file ghi âm dữ liệu cuộc gọi trích xuất qua giám định được lưu giữ theo hồ sơ vụ án;

Quá trình xét xử thấy, Nguyễn Hữu N dùng giấy khám sức khỏe do ông Trịnh Xuân B đưa cho để phạm tội nhưng không có căn cứ chứng minh ông Trịnh Xuân B là người giúp sức cho bị cáo nên không có cơ sở để xử lý.

Các ông Nguyễn Tất T, Nguyễn Đình D có hành vi đưa hối lộ nhưng sau đó đã báo ngay cho Cơ quan Công an, ông Nguyễn Đình D còn báo cáo để lực lượng Công an tổ chức bắt quả tang khi Nguyễn Hữu N vừa thực hiện hoàn thành hành vi cưỡng đoạt tài sản nên không phạm tội đưa hối lộ.

[5]. Về án phí vụ án đối với bị cáo: Bị cáo Nguyễn Hữu N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước theo quy định.

[6]. Về quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm đối với bị cáo Nguyễn Hữu N, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Bị cáo Nguyễn Hữu N; các người bị hại; các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn quy định tại Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự để yêu cầu xét xử vụ án theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu N phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 170, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Hữu N. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu N **18** (mười tám) **tháng tù**, thời hạn tù tính từ ngày 30 tháng 10 năm 2019, ngày bị cáo bị tạm giữ sau đó bị tạm giam.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Nguyễn Hữu N theo quy định tại khoản 5 Điều 170 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

3. Không xem xét thêm trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài số tiền 8.000.000 đồng đã thu hồi trả lại cho ông Nguyễn Đình D và số tiền 8.000.000 đồng mẹ bị cáo Nguyễn Hữu N đã nộp bồi thường cho bị hại Nguyệt Tất T trong giai đoạn điều tra.

4. Về xử lý vật chứng vụ án:

Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Tịch thu hoá giá bán sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG thu của Nguyễn Hữu N. Tình trạng điện thoại theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 07 tháng 4 năm 2020 giữa cán bộ Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Quảng Bình với cán bộ Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Quảng Bình.

- Lưu giữ theo hồ sơ vụ án 01 Chứng minh nhân dân số 194401743 cấp ngày 19 tháng 5 năm 2006 mang tên Đinh Đăng H (do ông Trịnh Xuân B nộp); 01 đĩa CD có 07 file ghi âm dữ liệu cuộc gọi.

5. Về án phí vụ án đối với bị cáo Nguyễn Hữu N.

Căn cứ khoản 2 các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; các Điều 3, 21, 23, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTV Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Nguyễn Hữu N phải nộp 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm của bị cáo; người bị hại; các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bị cáo Nguyễn Hữu N, người bị hại có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (11 tháng 6 năm 2020);

Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án sơ thẩm hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định.

Để yêu cầu xét xử phúc thẩm vụ án.

Nơi nhận:

- Theo khoản 1 Điều 262 BL TTHS;
- Vụ GDKT 1 TAND TC (khi án ST có HLPL);
- Cục THA DS tỉnh QB;
- Sở Tư pháp tỉnh QB;
- Phòng HSNVCS CAQB;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn, VP TAQB.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Việt